

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẦN LÃM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 580 /QĐ-UBND

Trần Lâm, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương
9 tháng năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN LÃM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 522/TTr-KTHTĐT ngày 05/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2026 của phường Trần Lâm (theo biểu đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;
- TT Đảng ủy-HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Phòng Giao dịch số 3 - KBNN khu vực IV
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VP, KTHTĐT. *./.*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Đức Cảnh

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

UBND phường Trần Lãm công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 09 tháng năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	712.350,00	783.445,43	109,98	264,53
1	Số thu phí, lệ phí	110,00	433,81	394,37	144,22
2	Thu hoa lợi công sản từ quỹ công ích	200,00	237,07	118,54	106,79
3	Thu tiền cho thuê đất		9,30		185,48
4	Thu khác	160,00	1.099,61	687,26	716,01
5	Thu huy động đóng góp		589,36		41,00
6	Thu bồi thường giải phóng mặt bằng		45,17		
7	Thu lệ phí trước bạ	17.172,00	11.341,04	66,04	399,74
8	Thu Thuế đất Phi nông nghiệp	5.155,00	2.157,24	41,85	213,11
9	Thu tiền sử dụng đất	238.000,00	38.157,58	16,03	408,82
10	Thuế khu vực ngoài quốc doanh	12.570,00	6.354,25	50,55	135,73
11	Thuế thu nhập cá nhân	14.306,00	4.942,05	34,55	33,98
12	Thu chuyển giao ngân sách	424.677,00	443.954,57	104,54	203,92
12.1	Thu bổ sung cân đối	280.971,00	210.726,00	75,00	123,04
12.2	Thu bổ sung có mục tiêu	143.706,00	233.228,57	162,30	502,13
13	Thu chuyển nguồn		274.124,39		624,08
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				

B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	712.350,00	575.375,93	80,77	277,92
I	Nguồn ngân sách trong nước chi đầu tư phát triển	238.000,00	215.197,03		940,42
1	Nguồn tiền sử dụng đất	238.000,00	7.695,58	3,23	33,63
2	Nguồn chuyển nguồn		66.373,39		
3	Nguồn chuyển nguồn tạm ứng XDCB năm 2025		141.128,06		
II	Nguồn ngân sách trong nước chi thường xuyên	474.350,00	360.178,90	75,93	195,59
1	Chi quản lý hành chính	44.924,00	33.676,00	74,96	94,93
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	44.924,00	33.676,00	74,96	94,93
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.353,00	1.031,39	76,23	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.353,00	1.031,39	76,23	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	1.353,00	1.031,39	76,23	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	178.753,00	121.332,35	67,88	102,99
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	27.554,00	28.247,85	102,52	850,29
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	27.554,00	28.247,85	102,52	850,29
5	Chi bảo đảm xã hội	32.629,00	30.219,54	92,62	156,65
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	32.629,00	30.219,54	92,62	156,65
6	Chi hoạt động kinh tế	10.283,00	13.071,65	127,12	1042,59
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.283,00	13.071,65	127,12	1042,59
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.141,00	7.874,68	190,16	1443,83
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.141,00	7.874,68	190,16	1443,83
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	120,00	31,92	26,60	2,80
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	120,00	31,92	26,60	2,80
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	344,00	127,57	37,08	38,41
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	344,00	127,57	37,08	38,41
10	Chi Quốc phòng	2.625,00	4.702,91	179,16	276,48
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.625,00	4.702,91	179,16	276,48
11	Chi An ninh	90,00	3.513,05	3903,39	206,53
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	90,00	3.513,05	3903,39	206,53
12	Chi các khoản chi khác theo pháp luật	16.454,00	3.356,66	20,40	
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	16.454,00	3.356,66	20,40	
13	Chi chuyển nguồn	0,00	1.170,35		
13.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
13.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0,00	1.170,35		
14	Chi Dự phòng	11.374,00	5.360,67	47,13	339,07
14.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
14.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.374,00	5.360,67	47,13	339,07
15	Chi bổ sung có mục tiêu	143.706,00	106.462,29	74,08	
15.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
15.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	143.706,00	106.462,29	74,08	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



PHỤ LỤC

Thuyết minh dự toán thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm

Thực hiện Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND Tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026. Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND phường Trần Lâm khóa X tại kỳ họp thứ ba phê duyệt dự toán thu - chi ngân sách phường Trần Lâm năm 2026.

1. Thu ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026

Dự toán thu ngân sách nhà nước được HĐND phường giao năm 2026 là: 1.386.722 triệu đồng (*ngân sách phường hưởng: 712.350 triệu đồng*). Trong đó, thu NSNN trên địa bàn: 962.045 triệu đồng (*ngân sách phường hưởng: 287.673 triệu đồng*). Ước thực hiện thu 9 tháng đầu năm 2026 là 1.728.023,35 triệu đồng, đạt 124,61% dự toán tính và HĐND phường giao trong đó ngân sách phường hưởng: 783.445,43 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 01/NS kèm theo*), cụ thể như sau:

1.1 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thực hiện 9 tháng đầu năm 2026 là 1.009.944,39 triệu đồng, đạt 104,98% dự toán tính và HĐND phường giao, ngân sách phường hưởng 65.360,47 triệu đồng. Trong đó:

- Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí: 313.918,49 triệu đồng, đạt 280,1% dự toán ngân sách phường hưởng: 27.208,89 triệu đồng

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 105.339,4 triệu đồng đạt 838,02% dự toán tính và HĐND phường giao, ngân sách phường hưởng: 6.354,25 triệu đồng;

+ Thuế thu nhập cá nhân: 41.607,34 triệu đồng, đạt 89,65% dự toán tính và HĐND phường giao, ngân sách phường hưởng 4.942,05 triệu đồng;

+ Thuế SD đất Phi nông nghiệp: 2.157,24 triệu đồng, đạt 41,85%, dự toán tính và HĐND phường giao, ngân sách phường hưởng 2.157,24 triệu đồng;

+ Lệ phí trước bạ: 30.787,78 triệu đồng, đạt 64,90% dự toán tính và HĐND phường giao, ngân sách phường hưởng 11.341,04 triệu đồng;

+ Tiền cho thuê đất: 126.105,97 triệu đồng, ngân sách phường hưởng 9,3 triệu đồng;

+ Phí, lệ phí, các khoản thu khác: 7.920,78 triệu đồng, ngân sách phường hưởng 2.405,02 triệu đồng;

- Thu từ tiền sử dụng đất: Theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh giao thu sử dụng đất trên địa bàn phường là 850.000 triệu đồng (*trong đó Khu đất tạo nguồn theo thông báo của tỉnh, khu đất nhà ở thương mại và dự án khu đất giao cơ quan cấp huyện trước sắp xếp: 800.000 triệu đồng, Khu đất xã, phường quản lý: 50.000 triệu đồng*); Nguồn vốn chi đầu

tư phát triển năm 2026 theo phân cấp từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 238.000 triệu đồng.

Số thu tiền sử dụng đất 9 tháng đầu năm 2026: 696.025,9 triệu đồng đạt 81,89% dự toán tỉnh và HĐND phường giao, ngân sách phường hưởng 38.157,58 triệu đồng; (trong đó: Thu tiền đấu giá dự án Tây Lý Bôn: 639.766,9 triệu đồng; Tiền thu đấu giá khu TĐC tiếp giáp Đồng Lôi và Khu HTX Sông Trà: 44.829,57 triệu đồng, ngân sách phường hưởng 30.484,11 triệu đồng; Tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: 11.429,37 triệu đồng, ngân sách phường hưởng 7.673,48 triệu đồng).

1.2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 443.954,57 triệu đồng (Trong đó: Bổ sung cân đối 210.726 triệu đồng; Bổ sung mục tiêu: 233.228,57 triệu đồng).

1.3. Thu chuyển nguồn: 274.124,39 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2026:

Dự toán chi ngân sách địa phương HĐND phường giao kế hoạch năm 2026 với tổng số tiền là: 712.350 triệu đồng, nhiệm vụ chi năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026: 274.124,39 triệu đồng; Nhiệm vụ chi tỉnh bổ sung có mục tiêu trong năm: 233.228,57 triệu đồng. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm: 575.375,93 triệu đồng, đạt 80,77% so với nhiệm vụ chi năm 2026 (chi tiết tại biểu số 02/NS kèm theo). Kết quả thực hiện như sau:

2.1. Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 9 tháng năm 2026: 74.068,97 triệu đồng, đạt 21,66 % so với DT. (Trong đó: Chi từ thu tiền sử dụng đất: 7.695,58 triệu đồng; Chi từ chuyển nguồn ngân sách từ nguồn tăng thu, dự toán còn lại: 66.373,393 triệu đồng)

2.2. Chi tạm ứng XDCB từ chuyển nguồn năm 2025: 141.128,06 triệu đồng.

2.3. Chi thường xuyên: Ước thực hiện chi NS 9 tháng năm 2026: 248.355,93 triệu đồng, đạt 77,79% so với dự toán. Chi tiết một số khoản chi sau:

- Chi quốc phòng: 4.702,91 triệu đồng, đạt 179,16 % dự toán.
- Chi an ninh: 3.513,05 triệu đồng, đạt 3.903 % dự toán.
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo : 121.332,35 triệu đồng, đạt 67,88% DT.
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 1.031,39 triệu đồng, đạt 76,23% dự toán.
- Chi sự nghiệp y tế: 28.247,85 triệu đồng, đạt 102,52% dự toán.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 31,92 triệu đồng, đạt 26,6% dự toán.
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: 127,5 triệu đồng, đạt 37,08% DT.
- Chi sự nghiệp môi trường: 7.874,68 triệu đồng, đạt 190,16% dự toán.
- Chi sự nghiệp kinh tế: 13.071,65 triệu đồng, đạt 127,12% dự toán.
- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: 33.676,0 triệu đồng đạt 74,96% DT.
- Chi đảm bảo xã hội: 30.219,54 triệu đồng, đạt 92,62% dự toán.
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật: 3.356,66 triệu đồng.

- Chi chuyển nguồn ngân sách: 1.170,35 triệu đồng

2.4. Chi dự phòng ngân sách.

Dự toán năm 2026: 11.374 triệu đồng. Thực hiện đến thời điểm báo cáo: 5.360,67 triệu đồng, đạt 47,13% dự toán. (gồm: *Hỗ trợ Công an phường thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT, tổ chức Hội nghị tổng kết, tổ chức Hội thi lực lượng tham gia bảo vệ ANTT: 640 triệu đồng; Hỗ trợ Ban chỉ huy quân sự phường thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT dịp Tết; Kinh phí phục vụ công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, kinh phí thực hiện lấy mẫu xác định danh tính hài cốt liệt sĩ: 820,41 triệu đồng; Hỗ trợ tổ dân phố kinh phí trực đảm bảo ANTT dịp Tết: 371 triệu đồng; Hỗ trợ kinh phí tặng quà Tết Người có công: 1.555,488 triệu đồng; Chi kinh phí tổ chức các hoạt động ngày Thương Binh - Liệt sĩ (27/7): 1.167,35 triệu đồng; Kinh phí thực hiện sắp xếp lại tổ dân phố và tổng kết công tác sắp xếp tổ dân phố: 806,42 triệu đồng*).

2.5. Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên: Dự toán năm 2026: 143.706 triệu đồng; ước thực hiện 9 tháng: 106.462,29 triệu đồng, đạt 74,08% dự toán (gồm: *Chi chế độ chính sách ưu đãi NCC với cách mạng: 77.650,01 triệu đồng; Chi chế độ chính sách an sinh xã hội: 28.812,29 triệu đồng*)

Một số nhiệm vụ tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh trong năm như: Kinh phí thực hiện chế độ NĐ154/2024/NĐ-CP, kinh phí tổ chức Đại hội Hội Người Cao tuổi, Đại hội các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026-2031, kinh phí tặng quà Tết cho hộ nghèo, kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; kinh phí hỗ trợ hàng tháng cho thành viên ANTT cơ sở; kinh phí huấn luyện Dân quân tự vệ, kinh phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị, kiến thiết đô thị và vệ sinh môi trường, thu gom rác thải; kinh phí thực hiện lấy mẫu xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; kinh phí phục vụ công tác chuyển đổi số.

3. Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026.

- Ngay sau khi Hội đồng nhân dân phường phê chuẩn dự toán ngân sách phường năm 2026; UBND phường đã ban hành Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ nguồn vốn đầu tư công để các phòng, ban, đơn vị và chủ đầu tư chủ động tổ chức thực hiện ngay từ những ngày đầu năm; đồng thời thực hiện công khai ngân sách theo quy định.

- UBND phường chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ dự toán thu, chi ngân sách đã được UBND tỉnh và HĐND phường giao; Nghị quyết số 788/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Trần Lãm khóa X, kỳ họp thứ ba phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách phường Trần Lãm năm 2026 và các Văn

bản của UBND tỉnh về thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách địa phương năm 2026.

- Chỉ đạo Ban chỉ đạo thu NSNN phường, Hội đồng tư vấn thuế phường; phối hợp chặt chẽ với Thuế Cơ sở 8 tỉnh Hưng Yên và các đơn vị liên quan triển khai tốt các Luật thuế và nhiệm vụ thu NSNN; triển khai quyết liệt các giải pháp thu ngân sách; khai thác triệt để các nguồn thu, rà soát đôn đốc các khoản thu phát sinh trên địa bàn, thu đúng, thu đủ, kịp thời các loại thuế, phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước; tăng cường điều tra diện hộ, doanh thu đối với các hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn, khai thác thu thuế từ lĩnh vực XDCHB vắng lai; tăng cường công tác thanh kiểm tra, kê khai nộp thuế, truy thu số thuế còn nợ đọng.

- Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, thách thức; tình hình thế giới diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự tại một số quốc gia, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; giá vàng, xăng dầu, nguyên vật liệu, hàng hóa và chi phí vận tải có nhiều biến động, tạo sức ép đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sức mua của thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh của một bộ phận người nộp thuế phục hồi còn chậm; thị trường bất động sản chưa thực sự khởi sắc, các giao dịch chuyển nhượng, mua bán bất động sản trong dân còn trầm lắng. Việc thực hiện các chính sách thuế mới, trong đó có chuyển đổi phương thức quản lý thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh từ thuế khoán sang kê khai, cùng các chính sách về ngưỡng doanh thu chịu thuế, miễn, giảm thuế theo quy định, cũng tác động nhất định đến tiến độ thực hiện một số khoản thu ngân sách.

- Mặc dù tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2026 đã có chuyển biến tích cực, song một số khoản thu vẫn đạt thấp so với dự toán và tiến độ bình quân. Cụ thể: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 41,85%; thuế giá trị gia tăng đạt 50,44%; thuế thu nhập cá nhân đạt 34,55%; thu tiền sử dụng đất đạt 16,03%.

- Đối với thu tiền sử dụng đất, tỷ lệ thực hiện thấp chủ yếu do một số nguồn thu tiền sử dụng đất theo các khu đất tạo nguồn, khu đất nhà ở thương mại và các dự án được giao cơ quan cấp huyện quản lý trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính thuộc 100% điều tiết ngân sách tỉnh, không tính vào nguồn thu tiền sử dụng đất phường được hưởng. Đối với các khoản thu tiền sử dụng đất thuộc nguồn phường được hưởng, gồm tiền sử dụng đất đấu giá khu tái định cư tiếp giáp Đồng Lôi và tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, số thực hiện đến thời điểm báo cáo là 38.157,58 triệu đồng. Như vậy, nguồn tiền sử dụng đất thực tế phường được điều tiết để tạo nguồn vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 đến thời điểm báo cáo là 38.157,58 triệu đồng.

- UBND phường đã điều hành tài chính - ngân sách linh hoạt theo dự toán được giao và khả năng thu ngân sách, đảm bảo kịp thời nguồn ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, các nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện dự toán chi

ngân sách đảm bảo đúng chế độ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Công tác điều hành chi ngân sách cơ bản bảo đảm đúng dự toán, đúng nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu chi lương, phụ cấp, hoạt động thường xuyên, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, giáo dục, y tế và các nhiệm vụ chính trị phát sinh trên địa bàn.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG